

THÔNG BÁO
Về việc Yêu cầu báo giá thuốc

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh dược
(các Quý doanh nghiệp dược)

Hiện tại, Bệnh viện Sản-Nhi Bắc Ninh số 1 đang có nhu cầu mua sắm thuốc các gói thầu thuốc dự toán mua sắm "Mua thuốc phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1 (đợt 3 năm 2026)". Bệnh viện kính yêu cầu các Quý doanh nghiệp dược quan tâm, cung cấp thông tin về giá thuốc, theo các nội dung sau:

Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản-Nhi Bắc Ninh số 1
- Tên dự toán mua sắm: Mua thuốc phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1 (đợt 3 năm 2026).
- Tên gói thầu và danh mục yêu cầu báo giá:

*** Gói thầu số 1.**

Tên gói thầu: Mua thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (đợt 3 năm 2026).
Số lượng danh mục: 04 danh mục thuốc Biệt dược gốc, mỗi danh mục là một phần độc lập của gói thầu. Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

*** Gói thầu số 2.**

Mua thuốc generic (đợt 3 năm 2026)
Số lượng danh mục: 36 danh mục thuốc Generic, mỗi danh mục là một phần độc lập của gói thầu. Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

4. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên bà: Dương Thị Thu Hiền
- Chức vụ: Phó trưởng khoa Dược
- Số điện thoại: 0966222629
- Địa chỉ: Khoa Dược- Bệnh viện Sản-Nhi Bắc Ninh số 1. Đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.
- Email: dshien140383@gmail.com

5. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Hình thức tiếp nhận báo giá: trực tiếp.

Số lượng bản báo giá: 02 bản gốc

6. Địa điểm phát hành Yêu cầu báo giá: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> hoặc <https://benhviensannhibacninhso1.vn>

7. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ thời điểm phát hành thành công Thông báo yêu cầu báo giá đến ngày 01 tháng 07 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của thuốc phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá thuốc.

8. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 01/07/2026.

Báo giá của Quý công ty cung cấp sẽ là căn cứ để Bệnh viện xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự toán mua sắm: “Mua thuốc phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1 (đợt 3 năm 2026)”. Rất mong nhận được sự quan tâm tham gia của Quý doanh nghiệp được.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, KD, TC-KT.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Trường Giang

II. Gói thầu số 02: Mua thuốc generic (đợt 3 năm 2026)

STT	STT theo TT 20	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	GĐKLH hoặc GPNK	Hạn dùng (tuổi thọ)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai/kê khai lại	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
1.	10	Ketamin		500mg/10 ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1					Lọ/ống/túi		50		
2.	12	Lidocain hydroclorid		200mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống/túi		8.000		
3.	18	Pethidin		100mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1					Lọ/ống/túi		1.000		
4.	20	Proparacain hydroclorid		5mg/ml x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt		1					Lọ/ống/túi		50		
5.	31	Suxamethonium clorid		100mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô		1					Lọ/ống/túi		200		
6.	54	Nefopam hydroclorid		20mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống/túi		5.000		
7.	56	Paracetamol (acetaminophen)		150mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống		3					Gói		15.000		
8.	118	Deferoxamin		500mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô		4					Lọ/ống/túi		1.000		
9.	128	Calci folinat (folinic acid, leucovorin)		100mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống/túi		50		
10.	203	Imipenem + cilastatin*		500mg + 500mg	Tiêm	Thuốc tiêm		1					Lọ/ống/túi		1.200		

STT	STT theo TT 20	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	GĐKLH hoặc GPNK	Hạn dùng (tuổi thọ)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai/kê khai lại	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
11.	213	Gentamicin		80mg/ 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống/túi		6.200		
12.	216	Dexamethason + Neomycin + Polymyxin B		(1mg + 3500IU + 6000IU)/ gram x 3,5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt		1					Lọ/Tuýp		50		
13.	239	Ofloxacin		15mg/ 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt		4					Lọ/ống/túi		50		
14.	377	Methotrexate		25mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống/túi		100		
15.	458	Phytomenadion (vitamin K1)		1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống/túi		13.000		
16.	500	Amlodipin		5mg	Uống	Viên		4					viên		3.000		
17.	699	Drotaverin hydroclorid		40mg	Uống	Viên		4					viên		40.000		
18.	702	Papaverin hydroclorid		40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống/túi		30.000		
19.	717	Bacillus subtilis		2 x 10 mũ 9 CFU/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống		4					Lọ/ống/túi		72.000		
20.	739	Simethicon		40mg/ml x 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống		1					Lọ/Chai		50		

STT	STT theo TT 20	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	GĐKLH hoặc GPNK	Hạn dùng (tuổi thọ)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai/kê khai lại	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
21.	756	Prednisolon acetat (natri phosphate)		5mg	Uống	Viên		4					viên		7.500		
22.	774	Progesteron		25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1					Lọ/ống/túi		1.000		
23.	789	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn		400IU/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm		5					Lọ/ống/túi		50		
24.	790	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian		400IU/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm		5					Lọ/ống/túi		50		
25.	854	Natri clorid		0,9%; 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt		4					Lọ/ống/túi		900		
26.	859	Pemirolast Kali		5mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt		1					Lọ/ống/túi		50		

STT	STT theo TT 20	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	GĐKLH hoặc GPNK	Hạn dùng (tuổi thọ)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai/kê khai lại	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
27.	871	Tropicamide + Phenylephrin hydroclorid		50mg/10ml + 50mg/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt		1					Lọ/ống/túi		50		
28.	892	Atosiban		37,5mg/5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm		1					Lọ/ống/túi		400		
29.	922	Risperidon		2mg	Uống	Viên		3					Viên		4.800		
30.	951	Aminophylin		240mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm		1					Lọ/ống/túi		50		
31.	987	Acid amin*		6,53%/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền		1					Lọ/chai		1.500		
32.	992	Glucose		10% 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền		4					Lọ/chai		3.000		

STT	STT theo TT 20	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	GĐKLH hoặc GPNK	Hạn dùng (tuổi thọ)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai/kê khai lại	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
33.	992	Glucose		30% /5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền		4					Lọ/ống/túi		2.000		
34.	993	Kali clorid		500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/ống/túi		3.800		
35.	996	Manitol		20%/250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền		4					Lọ/chai		30		
36.	1.003	Nước cất pha tiêm		500ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4					Lọ/chai		500		
Tổng cộng: 36 khoản																	

* Phân nhóm thuốc theo quy định tại Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập:

+ **Thuốc Biệt dược gốc:**

Các thuốc tại gói thầu thuốc biệt dược gốc phải được Bộ Y tế công bố trong danh mục thuốc biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu và được sản xuất toàn bộ tại các nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA.

+ **Nhóm 1 bao gồm thuốc** được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Thuốc thuộc danh mục thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố;

c) Được sản xuất toàn bộ các công đoạn tại Việt Nam và phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

- Được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Thông tư này;

- Thuốc lưu hành tại Việt Nam và thuốc được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành phải có cùng công thức bào chế, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm; dược chất, tá dược phải có cùng tiêu chuẩn chất lượng, cơ sở sản xuất, địa điểm sản xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Thông tư này.

+ **Nhóm 3** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có chứng minh tương đương sinh học.

+ **Nhóm 4 bao gồm thuốc** được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam và được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.

+ **Nhóm 5 bao gồm thuốc** được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam